TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 77/2018/DS-ST
Ngày: 12/7/ 2018
V/v tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công.

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:* Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

Cư trú: Số 471, ấp H 1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983. Cư trú: Số 477A/24, khóm T 3, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 18/12/2017), (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị K, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Cư trú: Số 142, ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Cư trú: Số 142, ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải ông Nguyễn Văn P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T có tham gia góp hụi do bà K làm chủ nhưng không nhớ khởi khui ngày nào? Có nhiêu hụi viên? Bà T tham gia bao nhiêu phần? Chỉ biết ngày 02/11âl/2016 bà T hốt hụi được số tiền 48.000.000 đồng thì bà T cho bà K mượn số tiền này. Sau đó, không nhớ rõ ngày tháng nhưng trong năm 2016, bà Thốt hụi được số tiền 74.000.000 đồng và tiếp tục cho bà K mượn số tiền này. Ngoài ra, vào ngày 06/3/2017 bà Tcó cho bà K vay số tiền 35.000.000 đồng. Tất cả các lần bà K mượn tiền hụi, tiền vay của bà Tđều không làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ và mục đích bà K mượn tiền hụi, vay tiền để làm chi phí mua phân thuốc sản xuất lúa và sinh hoạt, xoay sở trong gia đình. Đến ngày 19/11/2017 thì hai bên chốt nợ thì bà K nợ bà Ttổng cộng 157.000.000 đồng (có làm biên nhận, bà K có ký tên và có bà Trần Thị Mỹ P là người trực tiếp chứng kiến). Từ khi chốt nợ đến nay bà K chưa thanh toán cho bà T khoản tiền nào mặc dù bà Tcó yêu cầu bà K trả nợ nhiều lần. Trong quá trình giải quyết, bà Tyêu cầu vợ chồng bà K và ông H có trách nhiệm liên đới trả số tiền mượn hụi là 122.000.000 đồng và tiền vay 35.000.000 đồng, tổng cộng 157.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền vay 35.000.000 đồng từ ngày khởi kiện 29/11/2017 đến ngày xét xử nhưng bà Tthay đổi một phần yêu cầu khởi kiện xin rút phần tính lãi suất trên số tiền vay 35.000.000 đồng. Yêu cầu ông Trần Văn H, bà Huỳnh Thị K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền tổng cộng 157.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà K và ông H .

Bị đơn bà Huỳnh Thị K trình bày: Bà có làm chủ hụi và bà Tcó tham gia góp hụi với bà, bà thừa nhận hiện còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền tổng cộng 157.000.000 đồng, nhưng hoàn cảnh khó khăn yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin rút yêu cầu bà Nguyễn Thị T khấu trừ số tiền hụi chết 16.000.000 đồng mà bà T nợ bà.

Tòa án thu thập lời khai của ông Trần Văn H: Ông và bà K là vợ chồng, ông biết vợ ông làm chủ hụi và bà T có vô 01 chân hụi do vợ ông làm chủ, do một số hụi viên không chầu hụi nên vợ ông bị bể hụi. Ông không biết vợ ông thiếu nợ tiền hụi của bà T bao nhiêu nhưng ông có biết vợ ông vay tiền của bà T 10.000.000 đồng và biết lãi suất hàng ngày còn cụ thể bao nhiêu thì ông không biết. Nay việc bà Tyêu

cầu ông trả số tiền vay 35.000.000 đồng và số tiền hụi 122.000.000 đồng ông không đồng ý vì không biết gì đối với số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, H giải nhưng ông H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và H giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Năm 2015, bà Nguyễn Thị Tcó tham gia 03 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng do bà Huỳnh Thị K làm chủ. Sau khi mãn hụi, bà Thốt được 122.000.000 đồng nhưng bà K không giao và mượn lại số tiền này. Ngày 03/3/2016, bà K vay 35.000.000 đồng để sinh hoạt trong gia đình. Đến ngày 19/11/2017, bà K ký biên nhận nợ 157.000.000 đồng và rút lại yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 35.000.000 đồng. Việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tphù hợp khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Phía bà K chỉ thừa nhận 134.000.000 đồng và cho rằng việc ký biên nhận là ép buộc.

Xét thấy, căn cứ để bà T khởi kiện là biên nhận nợ ngày 19/11/2017 thể hiện nội dung "Bà K có nợ bà T 157.000.000 đồng", bà K thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ nhưng cho rằng bị ép buộc nhưng bà K không có chứng cứ chứng minh, nên việc bà T khởi kiện yêu cầu bà K trả 157.000.000 đồng là phù hợp các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với ông H, ông cho rằng có biết việc bà K vay bà T 10.000.000 đồng và việc bà K làm chủ hụi và đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại, nên việc bà T yêu cầu ông H liên đới cùng bà K trả 157.000.000 đồng là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Tkhởi kiện bà Huỳnh Thị K. Bà K có nơi cư trú ấp P, xã G, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn bà Huỳnh Thị K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà K và ông H vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K, ông H là có căn cứ.

[3] Ngày 05/02/2018, bà Nguyễn Thị Tthay đổi yêu cầu khởi kiện: Bà xin rút yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vốn vay 35.000.000 đồng đối với bà Huỳnh Thị K, ông Trần Văn H. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp cho bà Tvẫn giữ nguyên yêu cầu này. Xét thấy, việc thay đổi rút một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần lãi suất.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tyêu cầu bà Huỳnh Thị K thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi, tiền vốn vay tổng cộng 157.000.000 đồng. Bà Tcung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 19/11/2017 có chữ ký tên của bà K và trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn bà K cũng thừa nhận có nợ tiền hụi, tiền vay và hiện còn nợ bà Ttổng cộng là 157.000.000 đồng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ cơ sở để xác định các bên đã xác lập hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội và việc bà K đã nợ của bà Ttổng số tiền 157.000.000 đồng là có thật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 471, Điều 474 và Điều 479 Bộ luật dân sự 2005. Do phía bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Nay bà Tkhởi kiện là có cơ sở.

[5] Xét trách nhiệm liên đới của ông Trần Văn H. Nhận thấy, tuy ông H không trực tiếp cùng bà K thực hiện giao dịch với bà Tvà ông H cũng không ký tên vào biên nhận nợ ngày 19/11/2017, nhưng ông H biết việc bà K làm chủ hụi và ông H biết việc bà K có nợ tiền hụi, tiền vay của bà T. Mặt khác, số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mục đích bà K làm chủ hụi nhằm sinh lợi và việc bà K vay tiền của bà Tnhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống gia đình. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông Trần Văn H phải có trách nhiệm liên đới với bà Huỳnh Thị K là có cơ sở.

[6] Đối với yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng của bà K cho đến khi hết số nợ 157.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, số nợ này đã lâu nay lại yêu cầu trả dần làm thiệt hại đến quyền, lợi ích của nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay yêu cầu của bị đơn cũng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[7] Đối với yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà K, ông H. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ những phân tích trên đã có đủ cơ sở xác định bà K, ông H là người

phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Tnên cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 47/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới về "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để đảm bảo việc thi hành án. Đối với Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 46/2018/QĐ-BPBĐ ngày 05/02/2018, hiện nay việc thực hiện biện pháp bảo đảm trên là không cần thiết nên cần hủy Quyết định này và bà Nguyễn Thị Tđược nhận lại số tiền 15.000.000 đồng mà bà đã thực hiện biện pháp bảo đảm tại tài khoản phong tỏa số 6711258103676 tại Ngân hàng N Chi nhánh huyện C, tỉnh An Giang khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[8] Ngày 12/02/2018 bà K có ý kiến yêu cầu khấu trừ số tiền hụi chết 16.000.000 đồng mà bà Tnợ bà vào số tiền nợ 157.000.000 đồng. Nhận thấy, ngày 22/02/2018 Tòa án đã ra thông báo số 182/TB-TA về việc sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu phản tố đối với bà K nhưng hết thời gian ấn định của thông báo mà bà K vẫn không thực hiện và đến ngày 14/5/2018 bà K xin thay đổi ý kiến không yêu cầu khấu trừ số tiền này vào số tiền đã nợ bà T. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9] Từ những phân tích trên có cơ sở buộc bà Huỳnh Thị K, ông Trần Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Tsố tiền hụi, tiền vay còn nợ tổng cộng là 157.000.000 đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tđược chấp nhận nên bà bà Huỳnh Thị K, ông Trần Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 471, Điều 474 và Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tđối với bà Huỳnh Thị K và ông Trần Văn H.

+ Buộc bà Huỳnh Thị K và ông Trần Văn H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Tsố tiền hụi, tiền vay còn nợ tổng cộng 157.000.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu đồng).

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tđối với yêu cầu tính lãi suất trên số tiền vay 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

+ Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 47/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, về "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để đảm bảo việc thi hành án.

+ Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 46/2018/QĐ-BPBĐ ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới và bà Nguyễn Thị Tđược nhận lại số tiền 15.000.000 đồng tại tài khoản phong tỏa số 6711258103676 tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 7.850.000 (Bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng bà Huỳnh Thị K và ông Trần Văn H phải chịu.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Tsố tiền tạm ứng án phí 3.925.000 (Ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0018930, ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Thư